

Số: 22/2025/QĐST- HNGĐ

Ba Đồn, ngày 11 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2025, về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2025/TLST - HNGĐ ngày 17/4/2025, về việc “Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn”

XÉT THẤY:

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1964

Nơi cư trú: Đội 1, thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

- Bị đơn: Ông Đinh Văn P, sinh năm: 1964;

Nơi cư trú: Đội 2, thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Tài sản chung của ông, bà gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 3 tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích thửa đất 675,3m². Trong đó có 200m² đất ở lâu dài (ONT), 366,5m² đất vườn (BHK) và 108,8m² đất

vườn (BHK) thuộc hành lang giao thông, thửa đất có giá trị 675.300.000 đồng; tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà kết cấu sườn gỗ (nhà lớn) cửa đơn giản, gỗ nhóm 4,5,6, mái lợp ngói, tường xây bao che cao 2,7m bằng gạch, nền láng xi măng, diện tích 59,55 m², 01 nhà cấp 4 (nhà nhỏ), diện tích 19,64 m²; 01 nhà tắm có diện tích 6,61m²; 01 mái bê rô có diện tích 13,01m² và 01 giếng nước có giá trị là 200.000 đồng. Hai bên thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Giao cho bà Phạm Thị H được quyền sử dụng diện tích đất S1 là 227,78m² (phía Tây). Trong đó đất ở 70m², đất vườn 115,48m² và đất vườn thuộc hành lang giao thông là 42,30m², có giá trị 227.780.000 đồng; 01 nhà tắm có diện tích 6,61m² (đã cũ) và một số cây chuối trồng trên đất.

+ Giao cho ông Đinh Văn P được quyền sở hữu và sử dụng diện tích đất S2 là 447,51m² (phía Đông). Trong đó đất ở 130m², đất vườn 251,11m² và đất vườn thuộc hành lang giao thông là 66,40m², có giá trị 447.510.000 đồng; 01 ngôi nhà kết cấu sườn gỗ (nhà lớn) cửa đơn giản, gỗ nhóm 4,5,6, mái lợp ngói, tường xây bao che cao 2,7m bằng gạch, nền láng xi măng, diện tích 59,55 m²; 01 nhà cấp 4 (nhà nhỏ), diện tích 19,64 m²; 01 mái bê rô có diện tích 13,01m², 01 giếng nước và một số cây chuối trên đất có giá trị là 200.000 đồng.

(Tứ cận, độ dài các cạnh phần diện tích đất của bà Huệ và ông Phiến được thể hiện tại sơ đồ kèm theo)

- Về chi phí tổ tụng: Bà Phạm Thị H thỏa thuận nộp 6.100.000 đồng tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản (bà H đã nộp đủ)

- Về án phí: Bà Phạm Thị H và ông Đinh Văn P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà H và ông P là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên miễn tiền án phí cho bà H và ông P theo quy định của pháp luật

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- VKSND thị xã B;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà